

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Ghi chú báo cáo tài chính	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Trần Duy Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Nghiêm	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Phó giám đốc

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Số: 097/CA&A-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2009

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính 2009 (từ trang 05 đến trang 23).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2009 của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và

tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính 2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này được phát hành thay thế cho báo cáo tài chính đã được kiểm toán số 097/CA&A-BCKT ngày 08/3/2010. Do báo cáo tài chính đính kèm đã được điều chỉnh lại số liệu cho chỉ tiêu “Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu”, Mã số 36, điều chỉnh giảm 2.799.251.000 đồng) đồng thời chỉ tiêu “Tăng/(giảm) các khoản phải trả”, mã số 11 cũng được điều chỉnh tăng một khoản tương ứng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Tp. HCM, ngày 02 tháng 6 năm 2010

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		69.784.829.845	56.648.804.257
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.227.123.479	10.868.532.474
1. Tiền	111		8.164.256.812	6.868.532.474
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.062.866.667	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	32.794.565.752	22.410.727.100
1. Phải thu khách hàng	131		28.365.339.981	21.736.578.896
2. Trả trước cho người bán	132		4.203.200.832	23.640.000
3. Các khoản phải thu khác	138		226.024.939	650.508.204
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	24.019.521.009	22.431.746.158
1. Hàng tồn kho	141		24.019.521.009	26.557.284.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.125.538.538)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.743.619.605	937.798.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.04	1.499.407.475	550.541.711
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		6.844.875	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	237.367.255	387.256.814
B. Tài sản dài hạn	200		36.759.854.000	40.917.254.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.173.751.222	32.664.277.721
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	28.173.751.222	31.511.352.961
- Nguyên giá	222		94.366.263.028	91.809.697.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.192.511.806)	(60.298.344.383)
2. TSCĐ vô hình	227		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.152.924.760
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.605.200.000	3.605.200.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	7.605.200.000	3.605.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		980.902.778	4.647.776.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	980.902.778	4.562.475.243
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	85.301.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.544.683.845	97.566.058.608

Ghi chú đính kèm từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. Nợ phải trả	300		53.649.779.241	55.845.494.953
I. Nợ ngắn hạn	310		53.018.645.727	54.668.918.338
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	43.115.993.982	38.045.856.522
2. Phải trả người bán	312	V.10	2.468.343.365	1.447.827.997
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	-	9.982.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.830.175.816	576.946.156
5. Phải trả người lao động	315	V.12	4.964.271.152	2.707.014.346
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	639.861.412	11.881.290.917
II. Nợ dài hạn	330		631.133.514	1.176.576.615
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	483.405.750	1.054.972.451
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		147.727.764	121.604.164
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.15	52.894.904.604	41.720.563.655
I. Vốn chủ sở hữu	410		52.393.928.272	41.458.519.928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.432.929.332)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.003.320.205	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		225.818.595	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.593.720.101	1.454.521.225
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		500.976.332	262.043.727
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		500.976.332	262.043.727
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.544.683.845	97.566.058.608
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2009	31/12/2008
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			180.520.491	180.520.491
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
		US\$	158.535,33	13.999,92
		EUR	55.292,34	28.542,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Văn Ngọc Lưu
 Kế toán trưởng
 Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Nguyễn Hữu Đức
 Giám đốc

Ghi chú đính kèm từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Ghi chú</i>	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	154.991.193.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		(3.661.818)
3. Doanh thu thuần	10		154.987.531.231
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	124.090.612.377
5. Lợi nhuận gộp	20		30.896.918.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	2.719.774.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	4.610.203.817
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.139.900.969
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	5.581.206.023
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	4.496.555.089
10. Lợi nhuận thuần	30		18.928.728.526
11. Thu nhập khác	31	VI.22	277.089.462
12. Chi phí khác	32	VI.23	1.481.449.682
13. Lợi nhuận khác	40		(1.204.360.220)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.724.368.306
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		1.410.936.617
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		85.301.387
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.228.130.302
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			4.057

Văn Ngọc Lưu

Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Nguyễn Hữu Đức

Giám đốc

Ghi chú đính kèm từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	17.724.368.306
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	6.284.823.423
Các khoản dự phòng	03	(4.125.538.538)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(926.646.467)
Chi phí lãi vay	06	2.139.900.969
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	21.096.907.693
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(11.166.755.898)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.537.763.687
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(5.039.656.769)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	3.581.572.465
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.139.900.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(335.364.340)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(674.811.000)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh	20	7.862.754.869
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.794.296.924)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	148.777.272
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.080.269.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.565.250.457)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	68.522.055.269
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(65.950.147.518)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(5.679.251.000)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40	(3.107.343.249)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	190.161.163
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.868.532.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	168.429.842
Tiền tồn cuối kỳ	70	11.227.123.479

Văn Ngọc Lưu

Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Nguyễn Hữu Đức

Giám đốc

Ghi chú đính kèm từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Liên doanh Bao Bì Hà Tiên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Số 56-03-000144 ngày 30/5/2008 và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07/4/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Danh sách cổ đông

	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	38,45%	1.538.050
Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	38,45%	1.538.050
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	10,00%	400.000
Các cổ đông khác	13,10%	523.900
Cộng	100,00%	4.000.000

Văn phòng chính đặt tại ấp Kinh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất sợi, vải dệt thoi và bao bì các loại.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao	
	Năm 2009	Năm 2008
Nhà cửa	5 – 25 năm	6 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm	7 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 06 năm	3 – 06 năm
Phương tiện vận chuyển	06 năm	06 năm

Do năm 2009 thay đổi thời gian khấu hao. Nếu thời gian hữu dụng ước tính trước nay được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao sẽ giảm 1.646.485.074 đồng.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo đơn giá sản phẩm. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

12. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

13. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm từ năm 1998 đến năm 2001 và 09 năm được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% từ năm 2002 đến năm 2010.

Trong năm 2009, Công ty sẽ tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất ưu đãi là 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính và 25% đối với doanh thu các hoạt động khác. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm sẽ căn cứ vào kết quả kiểm tra quyết toán thuế. Các khoản sai biệt, nếu có, sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

14. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và chưa thể xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục và nghiệp vụ trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2009	31/12/2008
Tiền mặt	62.649.210	56.941.497
Tiền gửi ngân hàng	8.101.607.602	6.811.590.977
<i>Bao gồm:</i>		
VND	3.802.863.256	5.878.521.470
USD	2.841.017.094	237.676.642
EUR	1.457.727.252	695.392.865
Tương đương tiền (*)	3.062.866.667	4.000.000.000
	11.227.123.479	10.868.532.474

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Kiên Giang với mức lãi suất là 8,20%/năm.

2. Các khoản phải thu	31/12/2009	31/12/2008
Phải thu khách hàng	28.365.339.981	21.736.578.896
Trả trước người bán	4.203.200.832	23.640.000
Phải thu khác	226.024.939	650.508.204
Cộng các khoản phải thu	32.794.565.752	22.410.727.100
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu	32.794.565.752	22.410.727.100

3. Hàng tồn kho	31/12/2009	31/12/2008
Nguyên vật liệu	15.593.823.461	16.311.856.426
Công cụ dụng cụ	103.624.326	146.675.330
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.173.807.136	8.719.942.536
Thành phẩm	1.148.266.086	1.378.810.404
Cộng	24.019.521.009	26.557.284.696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.125.538.538)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	24.019.521.009	22.431.746.158

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/NHNT-LDBB ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty đã chế chấp toàn bộ hàng hóa tồn kho thể hiện trên báo cáo tài chính để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được trình bày tại ghi chú 9 và ghi chú 14.

4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31/12/2009	31/12/2008
Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã kê khai	642.853.717	449.441.553
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	856.553.758	101.100.158
	1.499.407.475	550.541.711

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	31/12/2008
Tạm ứng	188.615.003	338.504.562
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
	237.367.255	387.256.814

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2009	13.594.838.459	75.524.151.025	1.836.193.920	854.513.940	91.809.697.344
Tăng trong năm	1.754.387.955	1.105.753.534	-	87.080.195	2.947.221.684
Thanh lý, nhượng bán	-	-	390.656.000	-	390.656.000
Tại ngày 31/12/2009	15.349.226.414	76.629.904.559	1.445.537.920	941.594.135	94.366.263.028

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2009	5.712.285.184	52.926.111.758	959.223.396	700.724.045	60.298.344.383
Khấu hao trong năm	1.589.364.553	4.442.206.439	152.977.932	100.274.499	6.284.823.423
Thanh lý, nhượng bán	-	-	390.656.000	-	390.656.000
Tại ngày 31/12/2009	7.301.649.737	57.368.318.197	721.545.328	800.998.544	66.192.511.806

Giá trị còn lại

Tại ngày 31/12/2008	7.882.553.275	22.598.039.267	876.970.524	153.789.895	31.511.352.961
Tại ngày 31/12/2009	8.047.576.677	19.261.586.362	723.992.592	140.595.591	28.173.751.222

Tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn tiếp tục sử dụng có nguyên giá là 5.796.131.369 đồng.

Trong năm 2009, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản với giá trị khấu hao tăng thêm so với mức khấu hao của các năm trước là 1.646.485.074 đồng.

Tài sản cầm cố thế chấp

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/NHNT-LDBB ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty đã chế chấp toàn bộ tài sản cố định với nguyên giá 92.437.380.000 đồng và toàn bộ hàng hóa tồn kho, công nợ phải thu, ... thể hiện trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được trình bày tại ghi chú 9 và ghi chú 14. Theo hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp trên chỉ là cơ sở để bên nhận thế chấp xem xét cho vay nhưng không áp dụng khi xử lý tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

7. Đầu tư dài hạn khác		31/12/2009	31/12/2008
Tiền gửi có kỳ hạn	(*)	4.000.000.000	-
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết	(**)	3.605.200.000	3.605.200.000
		7.605.200.000	3.605.200.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Kiên Giang theo hợp đồng số 21/HĐTG.2009 ngày 30/12/2009 với lãi suất là 10,499%/năm.

(**) Bao gồm các khoản đầu tư vào các Công ty:

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Mệnh giá/CP	Giá trị
- Công ty CP Xi Măng Hà Tiên	2,95%	100.520	10.000	1.005.200.000
- Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	5,38%	12.000	100.000	1.200.000.000
- Công ty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	3,05%	14.000	100.000	1.400.000.000
Cộng		126.520		3.605.200.000

8. Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2009	Năm 2008
Tại ngày 01 tháng 01	4.562.475.243	4.708.333.333
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.581.572.465)	(145.858.090)
Tại ngày 31 tháng 12	980.902.778	4.562.475.243

9- Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	31/12/2008
Vay ngắn hạn	43.115.993.982	36.048.664.872
Nợ dài hạn đến hạn trả (ghi chú 14)	-	1.997.191.650
	43.115.993.982	38.045.856.522

Vay ngắn hạn

	Số dư nợ vay ngày 01/01/2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư nợ vay ngày 31/12/2009
Ngân hàng	36.048.664.872	71.060.565.291	63.993.236.181	43.115.993.982
Vietcombank - Kiên Giang				
	36.048.664.872	71.060.565.291	63.993.236.181	43.115.993.982

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/2008/VCB-BBHT ngày 22/7/2008, hạn mức tín dụng là 3.000.000,00 USD, lãi suất dao động từ 3,00% đến 4,50%/năm, hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2009/NHNT-BBHT ngày 13/02/2009, với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, lãi suất 10,50%/năm và hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 03/2009/NHNT-BBHT ngày 23/7/2009, với hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD, lãi suất dao động từ 3,00% đến 6,00%/năm. Số dư nợ tại ngày 31/12/2009 lần lượt là 472.933,42 USD tương đương 8.484.898.488 đồng, 2.844.601.848 đồng và 1.771.723,63 USD tương đương 31.786.493.646 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản của Công ty được trình bày tại ghi chú 3 và ghi chú 6.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

9. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

Theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009 của Thủ Tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2009/TT-NHNN ngày 03/02/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, khoản vay của hợp đồng vay số 01/2009/NHNT-BBHT ngày 13/02/2009 được hỗ trợ lãi suất là 4,00%/năm.

10. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2009	31/12/2008
Phải trả người bán	2.468.343.365	1.447.827.997
Người mua trả trước	-	9.982.400
	2.468.343.365	1.457.810.397

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2009	31/12/2008
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	680.523.357	439.639.367
Thuế nhập khẩu	-	56.511.012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.149.652.459	74.080.182
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.715.595
	1.830.175.816	576.946.156

Các khoản thuế được tạm xác định theo số liệu thể hiện trên sổ sách kế toán. Số thuế cụ thể phải nộp sẽ được cơ quan thuế xác định khi kiểm tra quyết toán.

12. Phải trả người lao động	31/12/2009	31/12/2008
Lương phải trả cán bộ công nhân viên	1.871.878.398	2.178.924.670
Quỹ dự phòng tiền lương của năm sau (*)	2.218.013.354	-
Tiền ăn ca	874.379.400	528.089.676
	4.964.271.152	2.707.014.346

(*) Được trích lập theo Công văn số 34/CT-TTHT ngày 15/01/2010 của Cục thuế Kiên Giang hướng dẫn việc trích lập dự phòng quỹ lương của năm sau theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

13. Các khoản phải trả khác	31/12/2009	31/12/2008
Phải trả về cổ phần hóa	-	8.687.548.239
Phải trả cổ tức	69.049.021	2.799.251.000
BHXH, BHYT và bảo hiểm thất nghiệp	5.059.536	-
Kinh phí công đoàn	382.853.924	289.038.616
Phải trả khác	182.898.931	105.453.062
	639.861.412	11.881.290.917

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	31/12/2008
Vay dài hạn	483.405.750	3.052.164.101
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.997.191.650)
	483.405.750	1.054.972.451

Vay dài hạn

	Số dư nợ vay ngày 01/01/2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư nợ vay ngày 31/12/2009
NH Vietcombank - Kiên Giang	3.052.164.101	483.405.750	3.052.164.101	483.405.750
	3.052.164.101	483.405.750	3.052.164.101	483.405.750

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang theo hợp đồng vay số 02/2009/VCB-BBHT ngày 09 tháng 7 năm 2009 với tổng số tiền vay là 3.258.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2009 là 483.405.750 đồng, lãi suất vay là 10,20%. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư dây chuyền máy in lồng ống, và được thế chấp bởi tài sản là dây chuyền in lồng ống và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại ghi chú 6.

Theo Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/4/2009 của Thủ Tướng Chính phủ và Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 07/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, khoản vay của hợp đồng vay số 02/2009/VCB-BBHT ngày 09 tháng 7 năm 2009 được hỗ trợ lãi suất là 4,00%/năm. Thời hạn áp dụng ưu đãi lãi vay đến hết ngày 31/12/2011.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2009	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.998.703	-	-	3.998.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.519.190.336	4.952.119.668	(1.432.929.332)
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.003.320.205	-	1.003.320.205
Quỹ dự phòng tài chính	-	225.818.595	-	225.818.595
Quỹ khen thưởng phúc lợi	262.043.727	913.743.605	674.811.000	500.976.332
Lợi nhuận chưa phân phối	1.454.521.225	16.228.130.302	5.088.931.426	12.593.720.101
Cộng	41.720.563.655	21.890.203.043	10.715.862.094	52.894.904.604

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

15. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a) Chi tiết vốn đầu tư

	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2009	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	38,45%	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	10,00%	4.000.000.000	10,00%	4.000.000.000
Các cổ đông khác	13,10%	5.239.000.000	13,10%	5.239.000.000
Cộng	100%	40.000.000.000	100%	40.000.000.000

b) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	31/12/2009	01/01/2009
Các khoản tiền gửi ngắn hạn	168.429.842	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	325.303.834	-
Các khoản vay ngắn hạn	(1.926.663.008)	-
Cộng	(1.432.929.332)	-

c) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu thường	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu thường	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

d) Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.454.521.225	49.150.536
Lãi sau thuế trong kỳ	16.228.130.302	5.414.910.475
Cộng lũy kế	17.682.651.527	5.464.061.011
Trả cổ tức cho các bên góp vốn	2.949.049.021	3.640.000.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.003.320.205	-
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	225.818.595	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	910.743.605	320.389.250
Giảm khác	-	49.150.536
Cộng giảm	5.088.931.426	4.009.539.786
Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm	12.593.720.101	1.454.521.225

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

16. Doanh thu	Năm 2009
Doanh thu bán thành phẩm	150.373.654.765
Doanh thu bán hàng hóa (nguyên vật liệu, vật tư, phế phẩm)	4.613.876.466
	<hr/> 154.987.531.231 <hr/>
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2009
Giá vốn thành phẩm	124.219.577.949
Giá vốn hàng hóa	3.996.573.266
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.125.538.838)
	<hr/> 124.090.612.377 <hr/>
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009
Lãi tiền gửi	435.797.035
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.938.998.530
Cổ tức được chia	342.072.160
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.906.876
	<hr/> 2.719.774.601 <hr/>
19. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2009
Lãi tiền vay	2.139.900.969
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.470.302.848
	<hr/> 4.610.203.817 <hr/>
20. Chi phí quản lý bán hàng	Năm 2009
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	461.923.474
Chi phí vật tư bao bì	1.054.654.329
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	2.727.884.656
Chi phí vận chuyển, bốc xếp trong nước	501.463.963
Hoa hồng bán hàng	34.559.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	544.916.084
Chi phí bằng tiền khác	255.804.350
	<hr/> 5.581.206.023 <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009
Chi phí nhân viên	1.956.722.102
Phí ngân hàng	348.196.854
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	75.801.075
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	259.007.682
Khấu hao TSCĐ	265.346.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.445.284
Chi phí bằng tiền khác	574.035.541
	4.496.555.089

22. Thu nhập khác	Năm 2009
Thu thanh lý tài sản	154.272.727
Thu vi phạm hợp đồng	79.119.810
Thu cho thuê mặt bằng	32.100.000
Thu nhập khác	11.596.925
	277.089.462

23. Chi phí khác	Năm 2009
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại của năm trước	1.227.405.799
Chi phí thanh lý tài sản	5.495.455
Chi phí khác	248.548.428
	1.481.449.682

24. Số dư đầu kỳ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ việc phát hiện ra những sai sót của năm tài chính trước đây và việc phân loại lại cần phải điều chỉnh, số dư trên bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Số dư tại ngày 31/12/2008	Số dư tại ngày 01/01/2009
Tài sản cố định vô hình	4.562.475.243	-
- Nguyên giá	5.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	(437.524.757)	-
Chi phí trả trước dài hạn	-	4.562.475.243

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2009, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hà Tiên 1	Bên liên quan	Bán hàng	1.657.600.000
Công ty Cổ phần Hà Tiên 2	Bên liên quan	Bán hàng	82.316.727.631

Tại ngày 31/12/2009, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hà Tiên 2	Bên liên quan	Phải thu	12.980.189.202

Các bên liên quan thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi Măng Việt Nam.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/9/2009.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Văn Ngọc Lưu

Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Nguyễn Hữu Đức

Giám đốc